**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-PT
Ngày 31/8/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Châu Minh Hoàng

*Các thẩm phán*: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Dương Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT- KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-STngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT

Địa chỉ: số 40, xã PK, huyện NB, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu T, chức vụ: Tổng giám đốc (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Cam Thị T, sinh năm 1987 – chức vụ: Trợ lý tổng giám đốc (Có mặt).

Địa chỉ: số 185, ấp ST, xã NT, huyện GR, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Văn L2, sinh năm 1960 - Văn phòng luật sư Trần Văn Việt, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Địa chỉ: số 664, ấp Bình Trường, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn*: Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP

Địa chỉ: Ấp AP, xã KA, huyện U, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức L, chức vụ: Tổng giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:*

Ông Lê Văn H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: 414/12/6A, Quốc lộ 13, khu phố 6, HBP, Thành phố T, Thành phố H.

Bà Lê Thị Bích P, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: 102/5/12, Khu phố 1, phường T, quận 12, TP H.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Liên hiệp HTX Thương Mại Thành phố H (SAIGON CO.OP)

Địa chỉ: Số 199-205, đường N, phường P, Quận 1, Thành phố H (vắng mặt)

- Ông Trần Trung L1 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 67/36, Đinh T, phường 3, quận B, thành phố H ..

- Ông Võ Minh K, sinh năm 1958 ( vắng mặt)

Địa chỉ: số 618/B44, Xô V, phường 25, quận B, thành phố H ..

Tạm trú: Đường số 7, khu phố 5, HBC, thành phố T, thành phố H.

- Công ty cổ phần nông nghiệp hợp tác Vạn T2

Địa chỉ: 119, p, phường 6, quận 3, thành phố H ..

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: 414/12/6A, Quốc lộ 13, khu phố 6, HBP, thành phố T, Thành phố H.

*4. Người kháng cáo:* Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/10/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT (viết tắt là Công ty NT) ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh với công ty cổ phần thương mại và sản xuất VP (gọi tắt là Công ty VP). Hai bên nhất trí cùng hợp tác để nuôi cá rô phi và cá tai tượng sinh thái. Công ty VP giữ vai trò là bên điều hành quá trình sản xuất và đóng góp bằng khu đất nông nghiệp với tổng diện tích 40 ha đã có hạ tầng trong nông trại thuộc quyền sử dụng của mình, tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C . cùng toàn bộ các thiết bị, máy móc, dụng cụ canh tác đất mà Công ty VP sẵn có để phục vụ cho quá trình sản xuất. Công ty NT đóng góp bằng việc đầu tư tiền cho các chi phí cần thiết nhằm phục vụ toàn bộ cho quá trình sản xuất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty NT cùng Công ty VP triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua máy móc thiết bị, vật nuôi. Công ty NT đã góp vốn thành nhiều lần với tổng số tiền 7.928.997.463 đồng và được Công ty VP xác nhận bằng văn bản. Việc đầu tư này phải mất rất nhiều thời gian, vào những năm cuối cùng của hợp tác mới thu được kết quả. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7/2019, Công ty VP thay đổi cổ đông, thay đổi người đại diện theo pháp luật, rút toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc hợp tác và cắt đứt mọi liên hệ với Công ty NT nên việc hợp tác bị bỏ lửng gây ra nhiều khó khăn và thiệt hại trầm trọng, Công ty NT phải thuê bảo vệ để đảm bảo an ninh và tránh mất mát tài sản, một mặt liên hệ với Công ty VP để có hướng giải quyết.

Ngày 25/10/2019, ngày 28/11/2019, ngày 04/01/2020, Công ty NT liên tục gửi công văn đến Công ty VP đề nghị tổ chức cuộc họp để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hợp đồng, song không nhận được phản hồi. Tiếp tục ngày 07/5/2020,

ngày 21/5/2010 Công ty NT gửi công văn đưa ra các đề nghị phương án giải quyết hợp đồng. Tuy nhiên, phía Công ty VP vẫn im lặng không có phản hồi.

Do việc Công ty VP trong một năm qua rút hoàn toàn các hoạt động liên quan đến hợp tác và không có bất kỳ phản hồi làm gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty NT. Hành vi của Công ty VP đã vi phạm Điều 4, Điều 8 của hợp đồng là quy định hai bên có trách nhiệm thông tin kịp thời cho nhau tiến độ công việc, đảm bảo bí mật liên quan đến quá trình canh tác. Nhận thấy, việc hợp tác giữa các bên không thể tiếp tục do Công ty VP vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, Công ty NT yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh ngày 12/10/2015 với Công ty VP. Buộc Công ty VP hoàn trả toàn bộ số tiền công ty đã đầu tư là 7.928.997.463 đồng và khoản tiền lãi suất do Công ty VP vi phạm hợp đồng tính từ tháng 7/2019: 792.899.746 đồng, tổng cộng là 8.721.897.209 đồng.

* *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lê Văn H trình bày:* Từ trước đến nay Công ty VP vẫn thực hiện đúng hợp đồng với Công ty NT, đối với việc gián đoạn như Công ty NT trình bày thì để công ty liên hệ kiểm tra lại bộ phận văn thư vì do trong thời gian này có thay đổi về cổ đông công ty do có chuyển đổi cổ phần. Trước đây khi ký hợp đồng với Công ty NT thì người đại diện theo pháp luật là ông K, sau đó ông K chuyển lại cho ông L1, sau này ông L1 mới chuyển lại cho ông Lộc nên thời gian này phía Công ty VP không nhận được các công văn như phía Công ty NT trình bày. Đối với nội dung Công ty NT cho rằng Công ty VP vi phạm hợp đồng, thì Công ty VP không đồng ý vì trên thực tế Công ty VP không có vi phạm, Công ty NT chỉ liệt kê ra chung chung, vi phạm Điều 4, Điều 8 của hợp đồng mà không trình bày rõ các vi phạm cụ thể như thế nào. Ông cho rằng yêu cầu của Công ty NT là mang tính cáo buộc chứ thực tế Công ty VP không vi phạm. Từ khi ký hợp đồng đến nay theo ông được biết chỉ có thu hoạch cá 01 lần với số tiền hơn 1.000.000.000 đồng. Vì vậy, theo ông hiện tại Công ty NT nhận thấy việc đầu tư kinh doanh không hiệu quả nên mới yêu cầu hủy hợp đồng để thu hồi vốn, chứ phía Công ty VP vẫn muốn tiếp tục duy trì hợp đồng. Mặt khác, khoảng tháng 5/2020 thì ông Lộc là giám đốc Công ty VP mới phát hiện được việc Công ty NT yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường. Đối với chi phí xác nhận giữa thỏa thuận hai bên công ty do anh K ký thì sau này phía công ty mới nắm được. Đồng thời, Công ty VP đã có văn bản phản hồi cho Công ty NT về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng vào ngày 31/7/2020. Do đó, đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường của Công ty NT thì Công ty VP không đồng ý.

* *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị Lê Thị Bích P trình bày*: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Huyên, đồng thời xin bổ sung thêm một số vấn đề. Tôi là Phó Giám Đốc Công ty VP từ thời gian ông K là giám đốc công ty, sau đó ông K chuyển cổ đông lại cho ông L1, rồi ông L1 chuyển cổ đông lại cho ông Lộc. Do từ khi hai bên ký kết hợp đồng đến nay chuyển tiếp cổ đông qua nhiều giai đoạn nên phía Công ty VP có thời gian rất khó khăn về cả nhân sự và hoạt động

công ty. Giai đoạn anh K chuyển cổ đông cho anh L1, thời gian này phía Công ty VP có nhận được 01 lần văn bản của Công ty NT, tôi có gửi mail cho anh L1 nhưng không biết anh L1 có phản hồi cho Công ty NT hay không thì tôi không rõ.

**Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần hợp tác Vạn Thương trình bày*: Ông thống nhất theo nội dung trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn. Ông không trình bày bổ sung gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh K trình bày:* Ngày 12/10/2015, công ty cổ phần thương mại và sản xuất Viễn Phú do ông là người đại diện theo pháp luật ký hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Đến tháng 7 năm 2019 ông chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Sai Gon CO.OP, khi chuyển nhượng có quy định tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký giữa Công ty VP với Công ty NT thể hiện tại điều 3 của hợp đồng. Đối với các chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông đã ký xác nhận là đúng, nhưng ông không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu nhiêu và khi chuyển nhượng cổ phần ông có thông báo cho Công ty NT biết. Đối với nội dung vụ án thì ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung L1 trình bày*: Do ông không có liên quan gì đến nội dung vụ án nên ông không có ý kiến gì. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 21/3/2022 của Toà án nhân dân huyện U Minh quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh ngày 12/10/2015 với Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP và yêu cầu Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP hoàn trả số tiền đã đầu tư theo hợp đồng đã ký ngày 12/10/2015.

Tuyên bố chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT và Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP lập vào ngày 12/10/2015.

Buộc Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP hoàn trả tiền đầu tư sản xuất, kinh doanh với tổng số tiền là 7.715.242.664 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT về việc yêu cầu Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP bồi thường số tiền 213.754.799 đồng và khoản tiền lãi suất từ tháng 7/2019 đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 792.899.746 đồng. Tổng cộng. 1.006.654.563 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/4/2022 bị đơn là Công ty TNHH MTV thương mại và sản xuất Viễn Phú có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện U Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung yêu cầu theo đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị đơn không đồng ý bản án sơ thẩm, kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Án sơ thẩm nhận định không khách quan, không đầy đủ dẫn đến quyết định của bản án trái với thực tế và trái với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các căn cứ và lý do kháng cáo của bị đơn tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay về việc yêu cầu hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm là không có cơ sở, bởi lẽ:

Công ty NT với Công ty VP có ký kết hợp đồng sản xuất và kinh doanh nuôi cá rô phi và cá tai tượng sinh thái vào ngày 12/10/2015 là thực tế có xảy ra và được các bên thừa nhận. Hợp đồng các bên tham gia ký kết là hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau, buộc các bên phải thực hiện.

Tại hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa cổ đông với SAIGON CO.OP thể hiện tại Điều 3 thì các tài sản, quyền lợi mà bên B tức là SAIGON CO.OP sẽ được tiếp tục hưởng trong đó gồm:

Nhóm 2: Hồ sơ liên quan đến tài sản là bất động sản, tài sản phải đăng kí quyền sở hữu, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao đất…

Nhóm 3: Toàn bộ hồ sơ liên quan đến tình hình tài chính công nợ của Công ty VP trong đó bao gồm cả bản chính hợp đồng và toàn bộ hồ sơ pháp lý, đầu tư liên quan đến hợp tác với Công ty NT (BL 1525).

Tài liệu này phù hợp lời khai của ông Võ Minh K (BL 1531) xác định đã ký chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho SAIGON CO.OP trong đó ghi rõ SAIGON CO.OP tiếp tục thực hiện hợp đồng với Công ty NT. Đồng thời ông K xác định các

chứng từ giao dịch giữa Công ty NT với Công ty VP trong thời gian hợp tác mà ông đã ký là đúng.

Như vậy, chứng cứ tài liệu tại hồ sơ đã thể hiện rõ trong quá trình hợp tác đầu tư sản xuất giữa Công ty NT với Công ty VP đến tháng 7/2019, Công ty VP lại bán toàn bộ 100% cổ phần (trong đó bao gồm phần đóng góp 40ha đất nuôi cá với Công ty NT) cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON CO.OP), SAIGON CO.OP tiếp tục bán cho Công ty cổ phần Nông nghiệp hợp tác Vạn Thương (gọi tắt là Công ty Vạn Thương) nhưng không thông báo bằng văn bản cho Công ty NT. Theo Điều 4 của Hợp đồng có thỏa thuận "không tự ý chuyển nhượng, cho thuê, biếu tặng khu đất góp vào sản xuất cho người khác với mọi hình thức khi hợp đồng còn hiệu lực. Trong trường hợp kế thừa thì vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng này". Việc thay đổi chủ sở hữu Công ty VP thì phía Công ty NT không được thông tin bằng văn bản và thực tế bị đơn không chứng minh được có sự đồng ý của nguyên đơn. Thực tế hợp đồng này không làm thay đổi nội dung hợp đồng đã ký kết ngày 12/10/2015. Do đó, việc Công ty VP không tiếp tục thực hiện việc hợp tác sản xuất và kinh doanh với Công ty NT là vi phạm theo Điều 4 và Điều 8 của hợp đồng được ký kết giữa hai bên.

Hồ sơ thể hiện Công ty NT đã đầu tư sản xuất gồm cải tạo ao nuôi, con giống, mua và bão dưỡng máy móc, xây dựng nhà ở, kho bãi, các chi phí khác với tổng chi phí là 7.928.997.463 đồng và cung cấp tài liệu, chứng từ chứng minh đã đầu tư với số tiền nêu trên nhưng phía Công ty VP cho rằng không đúng. Xét thấy, đối với các chứng từ của Công ty NT cung cấp xác định, quá trình đầu tư đều có lập chứng từ, thể hiện từ tháng 5/2015 đến tháng 6/2020, trong đó chứng từ từ tháng 5/2015 đến tháng 4/2019 là có xác nhận của ông Võ Minh K (Tổng giám đốc Công ty cổ phần Viễn Phú trước đây) với số tiền là 7.715.242.664 đồng, còn lại chứng từ từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2020 là không có xác nhận của phía đại diện Công ty cổ phần Viễn Phú. Do đó án sơ thẩm  xác định Công ty NT đã đầu tư tổng số tiền 7.715.242.664 đồng và buộc bị đơn thanh toán số tiền này do vi phạm hợp đồng là có căn cứ và phù hợp.

Từ cơ sở nhận định trên, án sơ thẩm xác định Công ty VP đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Công ty TNHH Nông nghiệp Nhất Thống và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Như vậy kháng cáo của bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền cho nguyên đơn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu hủy bản án hoặc sửa bản án theo hướng không chấp nhận khởi kiện nguyên đơn với các lý do nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là Công ty VP cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới nào khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã xem xét ở cấp sơ thẩm như đã nhận định. Do vậy không có cơ sở xem xét để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của TNHH MTV thương mại và sản xuất Viễn Phú, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV Thương mại và sản xuất Viễn Phú.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 21/3/2022 của Toà án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh ngày 12/10/2015 với Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP và yêu cầu Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP hoàn trả số tiền đã đầu tư theo hợp đồng đã ký ngày 12/10/2015.

1. Tuyên bố chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT và Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP lập vào ngày 12/10/2015.

2. Buộc Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP hoàn trả tiền đầu tư sản xuất, kinh doanh với tổng số tiền là 7.715.242.664 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông nghiệp NT về việc yêu cầu Công ty TNHH một thành viên thương mại và sản xuất VP bồi thường số tiền 213.754.799 đồng và khoản tiền lãi suất từ tháng 7/2019 đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 792.899.746 đồng. Tổng cộng. 1.006.654.563 đồng.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty VP phải chịu 115.715.243 đồng.

Buộc Công ty NT phải chịu 42.199.637 đồng, nhưng được đối trừ số tiền đã dự nộp 58.361.000 đồng, theo biên lai số 0005118, ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Công ty NT được nhận lại số tiền 16.161.363 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV thương mại và sản xuất Viễn Phú phải nộp 2.000.000 đồng, ngày 22/4/2022 Công ty đã dự nộp theo lai thu số 0010450 được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Châu Minh Hoàng**